

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

**TỜ TRÌNH
Về việc quy định về phí khai thác
và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, thông qua Nghị quyết quy định mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ngày 07 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2020) thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Mặt khác, mức lương tối thiểu tại thời điểm xây dựng đề án phí năm 2017 theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 là 1.210.000 đồng, qua hai 3 lần điều chỉnh mức lương cơ sở (Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 là 1.300.000 đồng, Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 là 1.390.000 đồng) đến nay mức lương tối thiểu là 1.490.000 đồng theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ. Theo đó mức lương cơ sở tăng 23% so với mức lương tại thời điểm xây dựng Đề án năm 2017.

Từ những cơ sở nêu trên, căn cứ Khoản 4 Điều 154 và Khoản 1 Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật việc xây dựng lại đề án phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết nhằm:

- Triển khai kịp thời các quy định của pháp luật về Phí và Lệ phí;
- Cơ sở pháp lý để các đơn vị cung cấp dịch vụ được thu phí của người sử dụng đất khi đến khai thác và sử dụng tài liệu đất đai phải nộp và được trích để lại một phần kinh phí nhằm chi trả lương, vật tư, văn phòng phẩm,...liên quan cho hoạt động thu phí theo quy định.
- Tạo nguồn thu cho Ngân sách nhà nước tỉnh.

B. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

I. Mục đích

Hiện nay và ngày càng **hiều người sử dụng đất cần** các thông tin về đất đai để phục vụ nhiều nhu cầu công việc phát triển kinh tế, xây dựng và đầu tư. Như vậy, rất cần có một mức phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đầy đủ, rõ ràng, minh bạch tạo thuận lợi cho cơ quan cung cấp thông tin và người yêu cầu cung cấp thông tin đất đai để thực hiện.

II. Quan điểm chỉ đạo

Việc thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai nhằm cơ bản đảm bảo bù đắp một phần chi phí chi trả cho hoạt động của cơ quan chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu về đất đai theo **nhu cầu của người sử dụng đất**. Mặt khác, đảm bảo thu hồi lại một phần chi phí Nhà nước đã bỏ ra để tạo lập hồ sơ tài liệu phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai như: Bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tài liệu về thống kê, kiểm kê đất đai, thông tin về đo đạc bản đồ... Mức thu, tỷ lệ trích nộp ngân sách có tính đến tình hình, mức sống thực tế của người dân trên địa bàn tỉnh để khi có nhu cầu khai thác có khả năng tài chính để chi trả và phải phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.

C. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Triển khai thực hiện Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Đề án phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Đề án phí đã thực hiện lấy ý kiến của đối tượng bị tác động đối với mức thu phí và lấy ý kiến của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và

Biên Hòa (văn bản số/STNMT-KHTC ngày .../03/2020). Các ý kiến góp ý đã được tiếp thu chỉnh sửa và giải trình tại Báo cáo số/BC-STNMT ngày ...

Sau khi hoàn thiện Đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gửi Sở Tư pháp và Sở Tài chính thẩm định theo quy định. Sở Tư pháp đã có văn bản số/STP-XDKTVB ngày ..tháng ..năm 2020 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết và Tờ trình về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; Sở Tài chính đã có văn bản số .../STC-NSNN ngày ..tháng ..năm 2020 về việc thẩm định văn bản quy định pháp luật trình HĐND tỉnh về lệ phí, phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Trên cơ sở ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, Tờ trình và Đề án.

D. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN NGHỊ QUYẾT

I. Bố cục Nghị quyết

Điều 1.

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Đối tượng miễn nộp phí
3. Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai
4. Quản lý nguồn thu
5. Cơ quan thu phí

Điều 2. Tổ chức thực hiện”

II. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm: Hồ sơ cấp giấy, Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, Hồ sơ đo đạc địa chính, Hồ sơ thông kê, kiểm kê đất đai ...(các loại tài liệu đất đai được ghi tại điểm 1.2 Khoản 1 Mục 1 chương 2 Thông tư số 33/2013/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 25/10/2013).

b) Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Người sử dụng đất (được quy định tại Điều 5 Luật đất đai năm 2013) có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được cơ quan quản lý hồ sơ cung cấp dịch vụ.

2. Đối tượng miễn nộp phí

a) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước trực tiếp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan của Đảng, các cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, UBND các cấp trong trường hợp yêu cầu cung cấp tài liệu về đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai.

c) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng các loại tài liệu đất đai trong các trường hợp sau: Danh mục dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu đất đai; Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; Khung giá đất, bảng giá đất đã công bố; Thông tin về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; Các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

d) Người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặt biệt khó khăn và các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh

3. Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:

BẢNG MỨC THU PHÍ

ĐVT: đồng

STT	LOẠI TÀI LIỆU	ĐVT	MỨC THU PHÍ (Đồng)			
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử	
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số
I	Hồ sơ tài liệu đất đai					
1	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
2	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
3	Hồ sơ địa chính	01trang	50.000	40.000	50.000	40.000
4	Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
5	Hồ sơ đánh giá đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
6	Hồ sơ thẩm định và bồi thường	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000

7	Hồ sơ chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
8	Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học về đất đai	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
9	Số liệu phân hạng, đánh giá đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
10	Số liệu tài liệu thổ nhượng	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
11	Số liệu tài liệu bản đồ đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
12	Số liệu điều tra về giá đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
13	Atlas Đồng Nai	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
14	Thông tin về giá của thửa đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
15	Thông tin chi tiết của thửa đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
16	Tài liệu kết quả đấu giá quyền sử dụng đất	01 trang	50.000		50.000	
II	Các loại bản đồ					
1	Bản đồ phân hạng đất	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
2	Bản đồ thổ nhượng, bản đồ đất	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
3	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	01 mảnh		100.000		110.000
4	Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất	01 mảnh		100.000		110.000
5	Bản đồ địa chính	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
6	Các loại bản đồ trong Atlas Đồng Nai	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
7	Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
8	Bản đồ chuyên đề	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
III	Hồ sơ khác					
1	Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	10 thửa	50.000		55.000	

Ghi chú:

- Mức trên tính cho 01 trang, khi số trang tăng thêm mỗi trang tăng thêm tính bằng 0,11.

- Mức phí tính cho 01 mảnh, khi số mảnh tăng thêm mỗi mảnh tăng thêm tính bằng 0,11.

- Mức phí tính cho 10 thửa, nếu số thửa thay đổi thì mức tính theo tỷ lệ thuận với mức trên.

(Khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhân bản, mức thu tính theo Chứng thư thẩm định giá photocopy)

4. Mức trích phí

Đơn vị thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được trích để lại 80% (*tám mươi phần trăm*) trên tổng số tiền phí thu được và nộp vào ngân sách nhà nước 20% (*hai mươi phần trăm*).

5. Cơ quan thu phí

a) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa).

b) Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Tổ chức thu nộp và quản lý sử dụng phí

- Chứng từ thu lệ phí: Thực hiện các quy định về chứng từ thu phí, đồng tiền thu phí, đăng ký, kê khai thu, nộp phí, quyết toán, hạch toán kế toán phí và công khai chế độ thu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý Thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế; Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Biên lai là chứng từ do tổ chức thu phí lập khi thu các khoản tiền phí theo quy định của pháp luật nên cơ quan thu phí phải lập và cấp biên lai cho đối tượng nộp phí. Khi lập biên lai phải đóng dấu của cơ quan thu phí vào góc trên, bên trái liên 2 của biên lai (liên giao cho người nộp phí).

- Thu nộp phí: Tổ chức thu phí mở tài khoản “tạm giữ tiền khai thác và sử dụng tài liệu đất đai” tại Kho bạc nhà nước nơi thu để theo dõi, quản lý. Căn cứ vào tình hình thu phí (số tiền phí thu được nhiều hay ít, nơi thu lệ phí xa hay gần Kho bạc nhà nước...) mà định kỳ hàng ngày hoặc hàng tuần hoặc hàng tháng,

đơn vị thu phí phải gửi số tiền đã thu được trong kỳ vào tài khoản tạm giữ tiền phí và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành.

- Kê khai thu phí: Thực hiện theo quy định Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 20 tại Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý Thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế.

Định kỳ trước ngày 05 (năm) hàng tháng, tổ chức thu lập tờ khai phí, lệ phí kê khai kết quả số tiền phí của tháng trước gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu của cơ quan thuế quy định.

- Quản lý sử dụng phí: Đơn vị thu phí sử dụng số tiền phí được trích để lại theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ và các quy định hiện hành về tài chính.

- Lập dự toán thu và quyết toán phí: Hàng năm, đơn vị thu phí phải lập dự toán thu - chi đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp lập, chấp hành và quyết toán theo Luật Ngân sách hiện hành gửi cơ quan quản lý ngành cấp trên, cơ quan Tài chính, cơ quan Thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản tạm giữ tiền phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Việc quyết toán phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai thực hiện cùng thời gian với việc quyết toán ngân sách nhà nước. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

7. Công khai chế độ thu phí

Tổ chức thu phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp lệ phí dễ nhận biết theo quy định: Niêm yết tên phí, mức thu, đối tượng nộp, cơ quan thu, chứng từ thu, thông báo công khai văn bản quy định thu phí.

8. Tổ chức thực hiện

Sau khi Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua và bãi bỏ Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định và bãi bỏ Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7/năm 2017 về việc tổ chức triển khai Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của quy định pháp luật về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH,KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH